BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THANH TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 548 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 398
Ngày 17 tháng 7 năm 2013

KẾT LUẬN THANH TRA
Một số hoạt động của Trường Đại học Ngoại thương

Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTr ngày 13/3/2013 về việc thanh tra một số hoạt động của Trường Đại học Ngoại thương (gọi tắt là Trường); từ ngày 18/3/2013 đến ngày 08/5/2013, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường với 03 nội dung về tài chính, 05 nội dung về cơ sở vật chất, 02 nội dung về đào tạo và tuyển sinh, 03 nội dung về tổ chức cán bộ theo phản ánh của cơ quan có liên quan.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 08/7/2013 của Đoàn Thanh tra, Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên gọi, địa chỉ

Trường Đại học Ngoại thương là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trường được thành lập theo Quyết định số 123/CP ngày 05/8/1967 của Thủ tướng Chính phủ. Trường có 03 cơ sở đào tạo tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ cơ sở chính: 91 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội.

Website: http://www.ftu.edu.vn.

2. Sứ mệnh

Đào tạo nhân tài và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh quốc tế, quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng, công nghệ và ngoại ngữ; sáng tạo và chuyển giao tri thức khoa học đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển năng lực học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện kỹ năng làm việc và sống trong môi trường quốc tế hiện đại. Trường còn là nơi phổ biến tri thức khoa học, nghề nghiệp cho cộng đồng doanh nghiệp và xã hội, là trung tâm văn hóa giữa các quốc gia và dân tộc trên thế giới.

3. Tổ chức, cán bộ

a) Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm:

- Hội đồng Trường gồm 15 thành viên.

- Ban Giám hiệu gồm Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng;

- 15 khoa và Bộ môn làm công tác chuyên môn và 19 phòng, ban, trung tâm chức năng.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể gồm: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên.

b) Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường là 752 người, trong đó giảng viên chiếm 70%.

4. Quyền tự chủ

Trường là đơn vị trực thuộc được Bộ GD&ĐT giao tự chủ toàn bộ về tài chính theo Quyết định số 1331/QĐ-BGDĐT ngày 26/03/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Trường được giao thực hiện đào tạo theo Chương trình tiên tiến (CTTT) và tham gia nhiều Dự án, Đề án.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ TÀI CHÍNH

1. Việc công khai công tác thu, chi tài chính

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Trường đã thực hiện công khai kết quả quyết toán, dự toán hàng năm; công khai việc thu chi tài chính, việc mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi sửa chữa lớn tài sản cố định, chi hội nghị theo quy định tại Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg, Thông tư số 21/2005/TT-BTC và Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT[1]. Hình thức công khai: thông báo tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm và đăng tải trên Website của Trường. Đồng thời, Trường có báo cáo về Bộ GD&ĐT các nội dung công khai theo quy định của Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT.

b) Kết luận

Trường đã thực hiện công khai thu, chi tài chính cơ bản đúng theo quy định. Tuy nhiên, việc thực hiện công khai còn có một số thiếu sót sau:

- Về hình thức công khai: Trường chưa niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 21/2005/TT-BTC[2].

- Về biểu mẫu công khai: Trường chưa thực hiện công khai số liệu theo Biểu số 2 và Biểu số 3 quy định tại Thông tư số 21/2005/TT-BTC[3].

Thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính (KH-TC)

2. Việc thu tiền công tác phí của các giảng viên đi học nước ngoài theo chương trình tiên tiến; việc đóng góp của các thành viên tham gia Dự án Mutrap III và chi phí 221.000.000 đồng cho Ban Quản lý Dự án Mutrap III

2.1 Việc thu tiền công tác phí của các giảng viên đi học nước ngoài theo Chương trình tiên tiến

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

---

[1] Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

[2] Tiết b điểm 1.2 mục 1 và tiết b điểm 2.2 mục 2 Phần I của Thông tư 21/2005/TT-BTC quy định "*Hình thức công khai: niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị (thời gian niêm yết ít nhất là 90 ngày kể từ ngày niêm yết); đồng thời công bố trong hội nghị cán bộ, công chức của đơn vị*".

[3] Tiết a điểm 1.2 mục 1 và tiết a điểm 2.2 mục 2 Phần I của Thông tư 21/2005/TT-BTC quy định: "*Nội dung công khai: theo biểu số 2 và biểu số 3 đính kèm*".

- Khái quát chung

Từ ngày 20/10/2008 đến ngày 16/5/2010, Trường đã cử 09 giảng viên đi đào tạo ngắn hạn tại Trường Đại học Tổng hợp Bang Colorado (gọi tắt là Trường CSU). Thời gian học của mỗi người là 02 tháng. Thời điểm Trường bắt đầu cử giảng viên đi học tại nước ngoài, Nhà nước chưa ban hành văn bản hướng dẫn quản lý tài chính đối với CTTT. Vì vậy, Phòng KH - TC đã có Tờ trình ngày 24/9/2008 về việc đề xuất tạm ứng sinh hoạt phí cho các giảng viên đi học tập ở nước ngoài theo mức quy định tại Thông tư số 91/2005/TT-BTC[4] và được Hiệu trưởng phê duyệt mức tạm ứng là 3.750USD/người/tháng. Trên cơ sở đó, Trường đã tạm ứng cho các giảng viên[5].

Ngày 20/11/2009, liên Bộ Tài chính và Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư liên tịch số 220/2009/TTLT-BTC-BGDĐT (gọi tắt là Thông tư số 220) hướng dẫn quản lý tài chính đối với kinh phí thực hiện CTTT (có hiệu lực từ ngày 05/01/2010).

Căn cứ vào Thông tư số 220[6], ngày 15/6/2010, Hiệu trưởng đã có Quyết định số 1272/QĐ/ĐHNT-CTTT (gọi tắt là Quyết định số 1272) quy định mức sinh hoạt phí cho mỗi cán bộ, giảng viên sang học tập tại Trường CSU là 1.300 USD/người/tháng. Quy định số 1272 nêu rõ: "tất cả các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ". Như vậy, so với mức tạm ứng ban đầu, các giảng viên đi học theo CTTT phải nộp lại tiền chênh lệch là: 2.450USD/người/tháng.

Qua kiểm tra chứng từ lưu trữ tại Phòng KH-TC, có 01 phiếu thu số T05/2 ngày 28/2/2011, với số tiền: 491.908.944 đồng, lý do nộp là: "hoàn trả kinh phí thừa đi đào tạo theo CTTT", kèm theo Bảng kê danh sách các giảng viên của CTTT hoàn trả tiền đào tạo ngắn hạn do bà Phạm Thị Mai Khanh lập có xác nhận của Phòng KH - TC, ký duyệt của Hiệu trưởng. Bảng kê có chữ ký nộp và nộp thay của các giảng viên (là những người nhận tiền tạm ứng[7]). Riêng giảng viên Bùi Thị Lý không có tên trong danh sách nộp tiền.

- Việc thu hồi tiền công tác phí của các giảng viên: Việc thu hồi tiền chênh lệch có nhiều ý kiến khác nhau:

+ Các giảng viên: Bùi Thị Lý, Phạm Thị Mai Khanh, Phạm Thanh Hà, Phan Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Tường Anh, Hoàng Xuân Bình, Lương Thị Ngọc Oanh, Lê Thị Thu Hường (gửi email từ Mỹ) có ý kiến là sau khi nhận tiền tạm ứng công tác phí thì

---

[4] Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

[5] Chứng từ tạm ứng và thanh toán gồm:
- Phiếu chi: số C019/2 ngày 17/2/2009 (chi TƯ) và số C023/5 ngày 12/5/2009 (chi thanh toán): bà Nguyễn Thị Tường Anh nhận tiền thay cho bà Lê Thị Thu Hường;
- Phiếu chi số C030/12 ngày 16/12/2009 (thanh toán tiền đi công tác): bà Nguyễn Thị Toan (Văn phòng CTTT) nhận thay cho ông Hoàng Xuân Bình và bà Lương Thị Ngọc Oanh;
- Phiếu chi số C068/6 ngày 24/6/009 (chi TƯ) và Phiếu thu số T05/9 ngày 15/9/2009 (hoàn tạm ứng): bà Phạm Thị Mai Khanh nhận tiền thay và thanh toán tạm ứng cho bà Bùi Thị Lý;
- Phiếu chi: số C17/3 ngày 16/3/2010 (chi TƯ) và số C209/6 ngày 30/6/2010 (chi thanh toán): bà Phan Thị Thu Hiền nhận tiền thay cho bà Phạm Thanh Hà.

[6] Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 220 quy định: "*Trường hợp đối với các khóa đào tạo ngắn hạn dưới 6 tháng, thì tùy thuộc vào điều kiện thực tế và khả năng kinh phí được cân đối, Hiệu trưởng trường đại học được quyết định mức chi cao hơn mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG ngày 05/12/2007 của Liên Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT và Bộ Ngoại giao, nhưng tối đa không được vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 91/2005/TT-BTC*".

[7] Bà Phạm Thị Mai Khanh ký nộp cho ông Vũ Đức Cường; bà Nguyễn Thị Tường Anh ký nộp cho bà Lê Thị Thu Hường; ông Hoàng Xuân Bình ký nộp cho bà Lương Thị Ngọc Oanh; bà Phan Thu Hiền ký nộp cho bà Phạm Thanh Hà.

được thông báo phải nộp lại tiền chênh lệch. Các giảng viên: Phạm Thị Mai Khanh, Phạm Thanh Hà, Phan Thị Thu Hiền và Lê Thị Thu Hường có ý kiến "đã nộp trực tiếp tiền công tác phí chênh lệch của CTTT cho Phó Hiệu trưởng Đào Thị Thu Giang". Các giảng viên: Nguyễn Thị Tường Anh, Hoàng Xuân Bình, Lương Thị Ngọc Oanh có ý kiến là "có nộp lại tiền nhưng không nhớ rõ nộp cho ai". Giảng viên Phạm Thị Mai Khanh xác nhận "có ký vào phiếu nộp tiền đại diện cho các giảng viên đi học CTTT". Thời điểm ký nhận bà Khanh không nhớ rõ.

+ Hiệu trưởng có ý kiến đã ban hành Quyết định số 1272 theo thẩm quyền; Quy trình nộp tiền được thực hiện theo đúng quy định, do Phòng KH-TC chịu trách nhiệm lập phiếu, sau đó Hiệu trưởng ký duyệt. Phó Hiệu trưởng Đào Thị Thu Giang có ý kiến là "không nhận tiền từ bất kỳ giảng viên nào đi học CTTT". Trưởng phòng KH-TC có ý kiến việc nộp tiền do các giảng viên hoàn toàn tự nguyện nộp tại Phòng KH-TC và không có bất cứ phản ánh nào từ phía giảng viên trong suốt thời gian tiến hành quy trình nộp lại kinh phí.

Vì có ý kiến khác nhau về việc nộp tiền, ngày 18/6/2013, Thanh tra Bộ GD&ĐT đã có Công văn số 462/TTr gửi Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an để trưng cầu giám định thời điểm ký (tuổi mực) của Phiếu thu T05/2. Ngày 25/6/2013, Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an có công văn số 1520/C54(P5) kết luận "không xác định được thời điểm ký (tuổi mực) của chữ ký trên tài liệu".

- *Việc nhận tiền của giảng viên Phạm Thanh Hà và Phan Thị Thu Hiền:* Giảng viên Phạm Thanh Hà và Phan Thị Thu Hiền có ý kiến "số tiền nhận được khoảng 1.520USD/người/tháng chứ không phải là 1.300 USD/người/tháng". Qua kiểm tra thực tế thấy Phòng KH-TC đã có Tờ trình ngày 16/9/2010 đề xuất mức công tác phí được tính: "số ngày lưu trú thực tế tại Trường CSU được xác định căn cứ trên ngày xuất nhập cảnh của các giảng viên" và đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Theo báo cáo của trường thì cách thanh toán này đã có tiền lệ.

- *Việc không thu nộp tiền của giảng viên Bùi Thị Lý:* Giảng viên Bùi Thị Lý có ý kiến: không nộp lại tiền công tác phí vì cho rằng việc thu lại kinh phí này là không đúng và sau đó cũng không thấy ai nói gì về việc phải nộp. Trong số 09 giảng viên được cử đi học chỉ có mình bà không nộp lại tiền. Qua kiểm tra thực tế thấy Phòng KH-TC đã có Tờ trình ngày 20/8/2010 với nội dung "Riêng với trường hợp PGS.TS. Bùi Thị Lý đi dưới diện cán bộ quản lý sang khảo sát kinh nghiệm quản lý của Trường đối tác, mức chi được áp dụng theo Thông tư số 91" và đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Nhận xét, kết luận

- Trường đã tổ chức thu lại tiền công tác phí chênh lệch giữa mức tạm ứng theo Thông tư số 91 và Quyết định số 1272 của các giảng viên đi học theo CTTT. Việc quyết định và thực hiện thu hồi tiền công tác phí thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 220. Việc ban hành Quyết định số 1272 của Hiệu trưởng không trái với các quy định hiện hành.

Đối với, giảng viên Bùi Thị Lý việc không thu hồi là có căn cứ, chủ trương được Hiệu trưởng phê duyệt tại Tờ trình ngày 20/8/2010 của Phòng KH-TC. Đối với các giảng viên: Phạm Thanh Hà và Phan Thị Thu Hiền được Trường tính phụ cấp cho những ngày ngoài thời gian ghi trong Quyết định cử đi học là có tiền lệ của Trường và

có căn cứ, chủ trương được Hiệu trưởng phê duyệt tại Tờ trình ngày 16/9/2010 của Phòng KH-TC.

- Số tiền thu hồi 491.908.944 đồng của các giảng viên đi học nước ngoài theo CTTT đã được thu vào quỹ tiền mặt, hạch toán giảm chi đối với nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) thuộc CTTT và quyết toán vào NSNN năm 2011. Việc lập chứng từ đã đảm bảo quy định về chứng từ kế toán[8].

- Về quy trình thu hồi tiền còn có nhiều ý kiến khác nhau. Trong buổi làm việc với lãnh đạo chủ chốt thông báo sơ bộ kết quả thanh tra, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Đào Thị Thu Giang, Trưởng phòng KH-TC và PGS.TS Bùi Thị Lý vẫn giữ ý kiến như đã phản ánh với Đoàn Thanh tra nhưng không cung cấp thêm bằng chứng cụ thể nào. Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận không xác định được thời điểm ký của chữ ký trên tài liệu. Vì vậy Đoàn Thanh tra không có đủ cơ sở để kết luận vấn đề này.

- Quá trình xác định và tổ chức thu hồi tiền công tác phí của các giảng viên có thiếu sót sau:

+ Việc ban hành Quyết định số 1272 chậm (sau hơn 5 tháng kể từ ngày Thông tư số 220 có hiệu lực).

+ Việc phê duyệt chế độ áp dụng đối với giảng viên Bùi Thị Lý, Phạm Thanh Hà và Phan Thị Thu Hiền không được thông báo cụ thể từ đầu, gây nhận thức khác nhau và dư luận không tốt.

Thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng và Trưởng phòng KH - TC.

2.2 Việc nộp lại tiền lương của các thành viên tham gia Dự án Mutrap III

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

- Khái quát chung:

Dự án Mutrap III do Cộng đồng Châu Âu (EU) tài trợ thông qua Bộ Công Thương gồm 02 thành phần: Dự án MutrapIII - FTU1 do Khoa Quản trị Kinh doanh thực hiện [9] (dự án này vốn đối ứng không dùng để chi trả tiền lương cho thành viên tham gia) và Dự án MutrapIII - FTU2 do Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế thực hiện.

Dự án MutrapIII - FTU2 có tổng dự toán là: 300.206 EURO (trong đó: vốn tài trợ là 233.456 EURO, vốn đối ứng từ Trường là: 66.750 EURO). Vốn đối ứng của Trường chủ yếu để trả lương cho các cán bộ của Khoa tham gia dự án[10]. Ngoài phần lương được Trường trả từ nguồn vốn đối ứng, các thành viên còn được EU trả thù lao cho mỗi công việc tham gia[11]. Như vậy, các thành viên tham gia Dự án được hưởng: lương Dự án, thù lao công việc cụ thể, lương theo ngạch bậc. Qua kiểm tra thấy có Biên bản họp Ban Tài chính Dự án Mutrap ngày 19/1/2010, tại mục 4 có ý kiến của bà Trịnh Thị Thu Hương - Giám đốc Tiểu Dự án là "Xin giữ nguyên vốn đối ứng của nhà

---

[8] Chứng từ có đầy đủ chữ ký của người lập biểu, chữ ký của Thủ quỹ, người nộp tiền, Kế toán trưởng và Thủ trưởng đơn vị.

[9] Dự án MutrapIII - FTU1 do Khoa Quản trị Kinh doanh thực hiện, có tổng dự toán là: 285.230 EURO (trong đó: vốn tài trợ là: 230.193 EURO, vốn đối ứng từ Trường: 55.037 EURO).

[10] Giám đốc dự án: 1.500 EURO/tháng; Trưởng nhóm đào tạo, trưởng nhóm nghiên cứu, trưởng nhóm kỹ thuật: 1.000 EURO/tháng; Chi phí văn phòng: 12.750 EURO/30 tháng.

[11] EU trả thù lao cho các công việc: Lương công tác, chuẩn bị tài liệu giảng dạy, viết bài tập tình huống, điều tra các khóa học CSTM, phát triển và cập nhật khóa học ngắn hạn, dịch sách, công tác phí, đi lại, phân tích dữ liệu, họp, hội thảo.

trường, nhà trường chi trả cả 2 khoản lương và sẽ trả lại nhà trường bằng đóng góp/tài trợ". Căn cứ vào Biên bản này, Hiệu trưởng đã phê duyệt chủ trương "cho phép các thành viên tham gia hai tiểu dự án đóng góp cho nhà trường một phần tiền lương nhận được từ nguồn vốn đối ứng của Nhà trường" (tại Tờ trình ngày 03/01/2011 của Trưởng phòng QLDA). Trên cơ sở đó, các thành viên tham gia Dự án đã nộp lại phần lớn tiền lương Dự án theo nhiều đợt. Người nộp tỷ lệ cao nhất là ông Vũ Đức Cường nộp 87%, người nộp tỷ lệ thấp nhất là bà Trịnh Thị Thu Hương nộp 77% tiền lương Dự án đã nhận.

Qua kiểm tra hồ sơ lưu tại Phòng KH-TC có 4 phiếu thu (số T12/7, T15/7, T16/7, T01/04). Các phiếu thu này thể hiện người nộp tiền là PGS-TS Trịnh Thị Thu Hương, có chữ ký của người lập phiếu, Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị, Thủ quỹ và người nộp (kèm bảng kê chi tiết mức đóng của từng người). Tổng số tiền thu hồi từ các thành viên tham gia Dự án MutrapIII - FTU2 là 1.214.580.766 đồng. Đối với phiếu thu số T12/7 (thu tiền lần đầu tiên), bộ phận kế toán không xuất biên lai hoặc phiếu thu tiền cho người nộp.

- Việc đóng góp của các thành viên tham gia Dự án MutrapIII-FTU2:

Việc đóng góp của các thành viên có nhiều ý kiến khác nhau:

+ Các thành viên tham gia Dự án MutrapIII - FTU2 có ý kiến cho rằng bản chất là nộp lại toàn bộ tiền lương, việc nộp tiền không trên cơ sở tự nguyện, không có căn cứ, quy trình thu hồi tiền không rõ ràng và không đúng theo quy định tài chính. Lần đầu tiên nộp, Phòng KH-TC không xuất giấy biên nhận tiền. Giám đốc Tiểu Dự án (TDA) MutrapIII-FTU2 Trịnh Thị Thu Hương có ý kiến: "Không đề xuất cũng như không biết gì về căn cứ để thu tiền của các thành viên tham gia Dự án Mutrap[12]; Do sợ ảnh hưởng đến tiến độ Dự án, đã thu tiền của các thành viên (theo từng đợt chuyển lương vào tài khoản) và nộp cho Phó Hiệu trưởng Đào Thị Thu Giang; Việc nộp tiền không có chứng từ; Ngày 17/6/2012 (chủ nhật), Hiệu trưởng yêu cầu bà Hương lên ký các phiếu thu tại phòng làm việc của Hiệu trưởng có sự chứng kiến của Phó Hiệu trưởng Đào Thị Thu Giang, Trưởng phòng KH-TC; Các phiếu thu được lập không đúng với thời điểm phát sinh sự việc". Tại buổi làm việc với cán bộ chủ chốt thông báo sơ bộ kết quả thanh tra, có ý kiến là "toàn bộ chứng từ được làm giả" và đề nghị giám định tuổi mực của các chứng từ này

+ Hiệu trưởng có ý kiến là "việc đóng góp do Tiểu Dự án đề xuất, các thành viên tham gia Dự án đều tự nguyện nộp lại các khoản đóng góp này. Việc lập phiếu thu do Phòng KH-TC chịu trách nhiệm, Hiệu trưởng chỉ ký vào các phiếu thu". Phó Hiệu trưởng Đào Thị Thu Giang có ý kiến là "chủ trương đóng góp tiền lương của các thành viên đã được thông qua Ban quản lý TDA, còn việc Ban quản lý TDA có quán triệt lại cho các thành viên tham gia hay không, đó là trách nhiệm của Ban quản lý TDA. Việc thu tiền đúng quy định. Bản thân không nhận khoản đóng góp tiền lương từ bất kỳ thành viên nào".

Để xác minh phản ánh về thời điểm lập các phiếu thu số: T12/7, T15/7, T16/7, T01/04, ngày 18/6/2013, Thanh tra Bộ GD&ĐT đã có công văn số 462/TTr gửi Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an để trưng cầu giám định thời điểm ký (tuổi mực) các

[12] Căn cứ thu hồi tiền lương của các thành viên tham gia Dự án MutrapIII-FTU2: Biên bản họp Ban Tài chính - Dự án MutrapIII ngày 19/01/2010 và Tờ trình ngày 03/01/2011 của Trưởng phòng QLDA có ý kiến phê duyệt của Hiệu trưởng.

chứng từ kế toán nêu trên. Ngày 25/6/2013, Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an có công văn số 1520/C54(P5) kết luận "Không xác định được thời điểm ký (tuổi mực) của các chữ ký trên các tài liệu".

b) Nhận xét, kết luận

- Chủ trương thu tiền đối với các cán bộ tham gia Dự án MutrapIII-FTU2 dưới hình thức đóng góp tự nguyện không trái với cam kết của Trường khi tham gia dự án do EU tài trợ. Căn cứ thu lại tiền dựa trên Biên bản cuộc họp Ban Tài chính - Dự án Mutrap, có đề xuất của Phòng QLDA được Hiệu trưởng phê duyệt dưới hình thức đóng góp tự nguyện. Mức đóng góp của các thành viên chiếm phần lớn số tiền lương được hưởng từ nguồn vốn đối ứng của Trường.

- Số tiền 1.214.580.766 đồng thu được từ các giảng viên tham gia Dự án Mutrap III-FTU2 đã được thu vào quỹ tiền mặt, hạch toán giảm chi kinh phí từ nguồn đối ứng của Trường trong năm 2011 và 2012. Các phiếu thu đảm bảo quy định của Chế độ kế toán[13]. Toàn bộ chứng từ kế toán, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính năm 2011 không có dấu hiệu viết chèn phiếu thu từ năm 2012 vào năm 2011 để quyết toán.

- Về quy trình nộp lại tiền đóng góp cho Trường có nhiều ý kiến khác nhau. Trong buổi làm việc với lãnh đạo chủ chốt thông báo sơ bộ kết quả thanh tra, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Đào Thị Thu Giang và PGS.TS Bùi Thị Lý (thay mặt các thành viên tham gia Dự án MutrapIII-FTU2) vẫn giữ ý kiến như đã phản ánh với Đoàn Thanh tra. Tuy nhiên, đây đều là những ý kiến phản ánh mà không cung cấp thêm bằng chứng cụ thể nào. Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận không xác định được thời điểm ký của chữ ký trên tài liệu. Vì vậy Đoàn Thanh tra không có đủ cơ sở để kết luận vấn đề này.

- Quá trình thu hồi tiền đóng góp của các thành viên tham gia Dự án MutrapIII-FTU2 có những thiếu sót sau:

+ Trường chưa nghiên cứu kỹ các điều khoản thoả thuận về vốn đối ứng trước khi ký với đối tác dẫn đến vốn đối ứng của Trường phải bỏ ra nhiều.

+ Việc phê duyệt chủ trương đóng góp chậm. Ngày 03/01/2011, Hiệu trưởng mới phê duyệt chủ trương trong khi Biên bản họp Ban Tài chính - Dự án Mutrap III thông qua chủ trương đóng góp có từ ngày 19/01/2010.

+ Đối với phiếu thu số T12/7 (thu tiền lần đầu tiên), bộ phận kế toán không xuất biên lai thu hoặc phiếu thu tiền cho người nộp; bà Trịnh Thị Thu Hương nhận tiền của các giảng viên mà không có biên nhận tiền là chưa thực hiện đầy đủ quy định về lập chứng từ kế toán[14].

Các thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Trưởng phòng QLDA , Trưởng phòng KH – TC và Giám đốc Tiểu dự án MutrapIII-FTU2.

2.3 Chi phí 221.000.000 đồng cho Ban Quản lý Dự án MutrapIII

---

[13] Các chứng từ có đầy đủ chữ ký của người lập biểu, Thủ quỹ, người nộp tiền, Kế toán trưởng và Thủ trưởng đơn vị. Bảng kê nộp tiền có một số chữ ký thay cho người nộp tiền, nhưng tiền thu được đã nộp vào quỹ nên không ảnh hưởng đến tính hợp lệ và hợp pháp của chứng từ.

[14] Khoản 3 mục I Phần thứ nhất Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính quy định *"Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính liên quan đến hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp đều phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho 1 nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh"*.

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Để thực hiện quản lý Dự án Mutrap III, Trường đã ban hành Quyết định số 825/QĐ-ĐHNT-QLDA ngày 25/9/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương về việc thành lập Ban Quản lý Dự án MutrapIII. Trên cơ sở Tờ trình ngày 15/4/2010 của Khoa QTKD và khoa KT&KDQT, Trường ban hành Quyết định số 1209/QĐ-ĐHNT-QLDA phê duyệt danh sách chi phụ cấp thực hiện Dự án MutrapIII. Theo đó, Trưởng dự án hưởng 1.500.000 đồng/tháng; Phó trưởng ban hưởng 1.200.000 đồng/tháng; Ủy viên là 1.000.000 đồng/tháng; Kế toán: 500.000 đồng/tháng. Trên cơ sở đó, Phòng KH-TC đã thực hiện chi 9 đợt trong thời gian 30 tháng (Mức chi cho phụ cấp quản lý bình quân là 920.000đồng/người/tháng trong khi đó thù lao hàng tháng do EU chi trả cho thành viên tham gia dự án bình quân 2.868.000 đồng/người/tháng). Tổng số tiền đã chi là 221.000.000đồng.

c) Nhận xét, kết luận

- Dự án MutrapIII là Dự án có tổng kinh phí lớn, do vậy việc Trường thành lập Ban QLDA để quản lý là cần thiết. Việc quyết định chi phụ cấp cho Ban QLDA thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ[15].

- Căn cứ chi là Quyết định số 1209/QĐ-ĐHNT-QLDA trên cơ sở đề nghị của Khoa QTKD và khoa KT&KDQT. Trong thực tế, Trường đã có quy định việc trả phụ cấp cho các cán bộ tham gia quản lý và thực hiện đối với các dự án tương tự (Dự án FTUTRIP[16]).

- Việc chi phụ cấp cho Ban QLDA có các thiếu sót sau:

+ Quy chế chi tiêu nội bộ chưa có quy định cụ thể về chế độ tài chính đối với các cán bộ khi tham gia thực hiện Dự án.

+ Quyết định số 1209/QĐ-ĐHNT-QLDA về việc chi phụ cấp thực hiện Dự án không xác định rõ nguồn chi.

Những thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng và Trưởng phòng KH – TC.

3. Việc quản lý tiền ôn thi sau đại học

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Khoa Sau Đại học (SĐH) có nhiệm vụ mở các lớp học chuyển đổi bằng và bổ túc kiến thức để tạo nguồn tuyển sinh theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Về cơ chế tài chính: Khoa SĐH thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính với Trường theo Quy chế chi tiêu nội bộ[17]. Về mức thu: Khoa tự quy định mức thu[18]. Về biên lai thu tiền: Khoa không sử dụng biên lai thu tiền mà phát hành thẻ ra vào lớp thay cho biên lai thu tiền. Khoa lập danh sách các học viên đăng ký theo từng đợt. Căn

---

[15] Điều 59 Quy chế chi tiêu nội bộ quy định: "*Các khoản chi khác chi theo thực tế và thực hiện theo quy định của pháp luật. Mức chi, nội dung chi và thủ tục chi phải có ý kiến của Phòng KH-TC và do Hiệu trưởng quyết định*".

[16] Quyết định số 419/QĐ-ĐHNT-QLDA&ĐBCL ngày 01/5/2008 của Hiệu trưởng về việc trả phụ cấp cho cán bộ quản lý và thực hiện Dự án FTUTRIP.

[17] Quy chế chi tiêu nội bộ quy định nghĩa vụ đóng góp tài chính đối với đơn vị hạch toán độc lập và các đơn vị, trung tâm trực thuộc Trường không có dấu tròn mở lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn: "*Các lớp ngắn hạn tỷ lệ đóng góp 5% trên tổng thu*".

[18] + Năm 2009, 2010: mức thu các môn là: XSTK: 800.000 đồng/học viên; QHTT: 600.000 đồng/học viên; KTCT: 600.000 đồng/học viên; TA: 600.000 đồng/học viên.+ Năm 2011, 2012: mức thu các môn là: XSTK: 900.000 đồng/học viên; Toán CS: 900.000 đồng/học viên; KT học: 800.000 đồng/học viên; Tiếng Anh: 800.000 đồng/học viên.

cứ vào danh sách lớp, Khoa thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính với Trường theo tỷ lệ được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ. Về các nội dung chi: Khoa SĐH chi trả tiền giảng dạy cho giảng viên, tiền thuê phòng học, tiền mua văn phòng phẩm, photo tài liệu, tiền trực lớp, quản lý phí.

Theo số liệu Khoa SĐH báo cáo với Đoàn Thanh tra, từ năm 2009 đến tháng 5/2012 (do Khoa SĐH quản lý tài chính), tổng thu là 1.522.250.000 đồng, tổng chi 1.522.250.000 đồng, số dư 0 đồng. Trong đó, Khoa SĐH thực hiện đóng góp nghĩa vụ tài chính về cho Trường: năm 2009: 11.400.000 đồng, năm 2010: 27.015.000 đồng, năm 2011: 41.725.000đ, năm 2012 (tính đến tháng 5/2012): 60.600.000 đồng

Từ tháng 5/2012 đến tháng 5/2013, Trường thống nhất quản lý tài chính tại Phòng KH-TC) với tổng thu: 661.000.000 đồng, tổng chi: 404.600.000 đồng, số dư: 256.400.000 đồng.

b) Kết luận

Từ năm 2009 đến tháng 5/2012, Khoa SĐH đã tổ chức thu, chi tài chính với số tiền 1.522.250.000 đồng. Việc quản lý tài chính có các sai phạm sau:

- Khoa không đủ điều kiện tổ chức việc thu, chi tài chính theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ[19].

- Không thực hiện chế độ báo cáo tài chính về vấn đề thu chi tài chính các lớp ôn SĐH với Trường hàng năm theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ[20].

- Không sử dụng biên lai do nhà trường phát hành mà sử dụng thẻ học viên để cấp cho các học viên khi thu tiền, danh sách các học viên không có ký nộp tiền là không đúng với quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ[21], không minh bạch, có thể xảy ra thất thoát kinh phí.

- Trường chưa thực hiện chế độ kiểm tra công tác quản lý tài chính hàng năm của Khoa SĐH theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót[22]; Không tổng hợp số quyết toán thu, chi của Khoa SĐH vào báo cáo quyết toán hàng năm của Trường là không đúng quy định của Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp[23].

Sai phạm trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách SĐH, Trưởng phòng KH - TC và Trưởng khoa SĐH.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư nhà A

---

[19] Khoản 1 Mục I Phần B Quy chế chi tiêu nội bộ quy định "*Có cán bộ đủ trình độ chuyên môn đảm trách công tác Kế toán, Phụ trách Kế toán không kiêm nhiệm thủ quỹ*".

[20] Khoản 4 Mục I Phần B Quy chế chi tiêu nội bộ quy định "*Báo cáo kế toán phải nộp 03 bản theo định kỳ về phòng KH-TC*".

[21] Khoản 2 Mục I Phần B Quy chế chi tiêu nội bộ quy định "*Chứng từ kế toán: Sử dụng biên lai học phí theo đúng quy định*".

[22] Khoản 5 Mục I Phần B và Mục II Phần B Quy chế chi tiêu nội bộ quy định "*Kiểm tra Kế toán: Hàng quý: do Phòng KH-TC tiến hành, kiểm tra báo cáo quyết toán quý; Hàng năm do Phòng KH-TC và Ban Kiểm tra tài chính tiến hành, kiểm tra báo cáo quyết toán theo năm dương lịch*", "*Nhà trường thông qua Phòng KH-TC sẽ thực hiện việc kiểm tra doanh thu thông qua việc kiểm tra biên lai thu học phí do các đơn vị cấp cho học viên*".

[23] Điểm 2.1, khoản 2, mục I Phần thứ tư Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định "*Các đơn vị kế toán cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt báo cáo quyết toán cho đơn vị kế toán cấp dưới và lập báo cáo tài chính tổng hợp từ các báo cáo tài chính năm của các đơn vị kế toán cấp dưới và các đơn vị kế toán trực thuộc*".

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Nhà A là một đơn nguyên 12 tầng nổi và 01 tầng hầm; công trình sử dụng đa năng gồm: 36 phòng học, 01 phòng máy, 26 phòng làm việc, 12 phòng chức năng. Dự án đầu tư xây dựng công trình Tòa nhà đa năng này được phê duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-BGD&ĐT ngày 07/4/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, với tổng mức đầu tư là 73.970.926.666 đồng (trong đó: nguồn vốn NSNN cấp 40%, nguồn vốn hợp pháp khác của trường 60%).

Theo báo cáo của Trường, trong quá trình thực hiện Dự án, theo yêu cầu kỹ thuật và để đảm bảo an toàn, Ban QLDA đã họp bàn và thống nhất phương án thay đổi chất liệu của hạng mục nhôm kính của tòa nhà từ nhôm kính không cường lực, không cách âm, không an toàn sang nhôm kính 2 lớp, cách âm, cách nhiệt, ánh sáng và độ an toàn cho tòa nhà. Căn cứ vào Thông tư số 03/2008/TT-BXD và Thông tư số 09/2008/TT-BXD[24] của Bộ Xây dựng, Trường đã lập dự toán bổ sung tổng dự toán điều chỉnh theo quy định và trình Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định số 8574/QĐ-BGDĐT[25] "điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn với tổng mức đầu tư điều chỉnh là 102.998.384.136 đồng. Nguồn vốn NSNN cấp 50%, nguồn vốn hợp pháp khác của Trường 50%" và Quyết định số 547/QĐ-BGDĐT[26]. Công trình đã đưa vào sử dụng. Trường đã trình Bộ GD&ĐT duyệt quyết toán công trình với tổng kinh phí là 90.740.000.000 đồng.

b) Kết luận

Việc điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư nhà A nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, được sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền và được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Việc sửa chữa công trình tại nhà B, D

2.1 Kết quả kiểm tra, xác minh

a) Công trình cải tạo mặt ngoài Nhà B được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 965/QĐ-ĐHNT-QTTB ngày 16/10/2009 (Trường tự phê duyệt theo văn bản số 7713/BGDĐT-KHTC[27]), tổng dự toán: 1.086.041.000 đồng, thời gian thực hiện từ ngày 30/10/2009, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 24/12/2009.

Kiểm tra hồ sơ công trình thấy có đủ các văn bản, tài liệu liên quan: Thiết kế; hoàn công; nhật ký thi công; Các biên bản nghiệm thu công việc ngày 10/11/2009, 16/11/2009, 02/12/2009, 03/12/2009, 10/12/2009, 16/12/2009; Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành 24/12/2009; thanh lý hợp đồng ngày 29/12/2009, giá trị 982.984.000 đồng; chứng từ chuyển tiền tại Kho bạc Nhà nước ngày 29/12/2009; Quyết định số 965/QĐ-ĐHNTQTTB ngày 16/10/2009 phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổng giá trị dự toán 1.086.041.000 đồng; Quyết định số 966/QĐ-ĐHNTQTTB

---

[24] Thông tư số 03/2008/TT-BXD ngày 25/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng; Thông tư số 09/2008/TT-BXD ngày 17/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng.

[25] Quyết định số 8574/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2008 phê duyệt thiết kế hạng mục nhôm kính; Điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn trong tổng mức đầu tư do điều chỉnh thiết kế, biến động giá và nhân công, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn Công trình tòa nhà đa năng – Trường ĐH Ngoại thương.

[26] Quyết định số 547/QĐ-BGDĐT ngày 22/1/2009 phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục nhôm kính Công trình Tòa nhà đa năng.

[27] Văn bản số 7713/BGDĐT-KHTC ngày 22/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ủy quyền cho Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương.

ngày 20/10/2009 phê duyệt kế hoạch đấu thầu; Quyết định số 972/QĐ-ĐHNTQTTB ngày 27/10/2009 phê duyệt chỉ định thầu thi công, tổng giá trị 989.245.000 đồng; Hợp đồng kinh tế số 01/2009/ĐHNT-TH ngày 29/10/2009.

b) Công trình cải tạo chống xuống cấp các phòng làm việc nhà B được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 971/QĐ-ĐHNTQTTB ngày 27/10/2009 (Trường tự phê duyệt theo văn bản số 7713/BGDĐT-KHTC[27]) với tổng dự toán: 998.852.000 đồng. Thời gian thực hiện từ ngày 12/11/2009, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 29/12/2009.

Kiểm tra hồ sơ công trình thấy có đủ các văn bản, tài liệu liên quan: Thiết kế; hoàn công; nhật ký thi công; Các biên bản nghiệm thu công việc ngày 01/12/2009, 08/12/2009, 13/12/2009, 16/12/2009, 23/12/2009, 28/12/2009; Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành 29/12/2009; Thanh lý hợp đồng ngày 30/12/2009, giá trị 926.160.000 đồng; chứng từ chuyển tiền tại Kho bạc Nhà nước ngày 30/12/2009; Quyết định số 971/QĐ-ĐHNTQTTB ngày 27/10/2009 phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổng giá trị dự toán : 998.852.000 đồng; Quyết định số 982/QĐ-ĐHNTQTTB ngày 30/10/2009 phê duyệt kế hoạch đấu thầu; Quyết định số 1002/QĐ-ĐHNTQTTB ngày 09/11/2009 phê duyệt chỉ định thầu thi công, tổng giá trị 928.763.000 đồng; Hợp đồng kinh tế số 02/2009/ĐHNT-TH ngày 11/11/2009.

c) Cải tạo phòng học và khu vệ sinh nhà B được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 3258/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 08/8/2011, tổng giá trị dự toán: 2.359.275.527 đồng.

Các văn bản pháp lý quá trình thực hiện: Quyết định số 3551/QĐ-BGDĐT ngày 19/8/2011 phê duyệt kế hoạch đấu thầu; Quyết định số 1009/QĐ-ĐHNT-QTTB ngày 29/8/2011 lựa chọn đơn vị thi công; Hợp đồng số 05/2011/ĐHNT-TL ngày 30/8/2011; Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng ngày 30/11/2011.

d) Các hạng mục có giá trị dự toán nhỏ hơn 500 triệu đồng, Trường phê duyệt dự toán công việc và tiến hành chỉ định đơn vị thực hiện việc cải tạo sửa chữa, gồm:

- Sửa chữa, cải tạo phòng B310, giá trị dự toán: 126.571.000đ

- Sửa chữa vặt tháng 10,11,12 năm 2011, giá trị dự toán: 70.838.000đ

- Sửa chữa vặt từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2012, giá trị dự toán: 113.319.00đ

2.2. Kết luận

- Từ 2009 đến 2011, Trường đã tiến hành sửa chữa công trình, cải tạo chống xuống cấp các phòng làm việc, cải tạo mặt ngoài, cải tạo phòng học, phòng vệ sinh tại nhà B, D. Các phòng học, phòng làm việc của các khoa, phòng và Hội trường tại nhà B và nhà D đã được cải tạo, sửa chữa và trang bị cơ bản đã đáp ứng đủ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Việc sửa chữa, cải tạo được tổ chức cơ bản đúng quy trình quy định.

- Việc khắc phục và sửa chữa công trình nhà B, D còn có thiếu sót sau:

+ Tại khu nhà B còn 05 phòng học ở tầng 4 đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa được cải tạo sửa chữa để đồng bộ với các hạng mục khác.

+ Các hạng mục sửa chữa, cải tạo phòng B310, Trường chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Đấu thầu[28]; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP[29], điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP[30] trong việc triển khai thực hiện (thiếu quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu).

Thiếu sót trên trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác cơ sở vật chất và Trưởng phòng QTTB.

3. Việc cải tạo, trang bị nội thất phòng học CTTT

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Trường có 04 phòng học CTTT (2 phòng tại nhà D, 1 phòng tại nhà B, 1 phòng tại nhà A). Từ tháng 12/2010 đến tháng 6/2011, Trường đã tiến hành cải tạo, bổ sung trang bị nội thất cho các phòng học CCTT cụ thể như sau:

- Phòng học B107, D102 thực hiện cải tạo sửa chữa nhỏ (trát lại tường, sơn tường, đi đường điện), tổng giá trị: 89.594.000 đồng, thực hiện tháng 01/2011.
- Trang bị nội thất phòng học B107 (rèm cửa, bàn ghế giảng viên và sinh viên), tổng giá trị: 172.568.000 đồng, thực hiện tháng 6/2011.
- Trang bị nội thất phòng học D102 (rèm cửa, bàn ghế giảng viên và sinh viên, bảng), tổng giá trị 164.450.000 đồng, thực hiện tháng 3/2011.
- Trang bị nội thất phòng học A901 (rèm cửa, thảm trải sàn, bàn ghế giảng viên và sinh viên, bảng), tổng giá trị 206.971.600 đồng, thực hiện tháng 12/2010;
- Trang bị hệ thống máy chiếu, bảng tương tác, hệ thống âm thanh phòng học A901, tổng giá trị 295.603.000 đồng, thực hiện tháng 01/2011.

Việc cải tạo, trang bị các phòng học CTTT chủ yếu là các hạng mục có giá trị dự toán nhỏ hơn 500 triệu đồng, Trường phê duyệt dự toán công việc, danh mục trang thiết bị và tiến hành chỉ định đơn vị thực hiện việc cải tạo sửa chữa, cung cấp trang thiết bị.

b) Kết luận

Việc trang bị và nâng cấp phòng học CTTT thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học theo CTTT. Các hạng mục này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các hạng mục có giá trị dự toán nhỏ hơn 500 triệu đồng, Trường phê duyệt dự toán công việc, danh mục trang thiết bị và tiến hành chỉ định đơn vị thực hiện việc cải tạo sửa chữa, cung cấp trang thiết bị.

Quá trình trang bị và nâng cấp phòng học CTTT còn có thiếu sót: Tại các hạng mục đầu tư trang thiết bị có giá trị dự toán nhỏ, Trường chưa thực hiện đầy đủ các quy

---

[28] Khoản 2 Điều 6 Luật Đấu thầu quy định "*Kế hoạch đấu thầu phải lập cho toàn bộ dự án; trường hợp chưa đủ điều kiện và thật cần thiết thì được phép lập kế hoạch đấu thầu cho một số gói thầu để thực hiện trước*".

[29] Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng quy định "*Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định đầu tư thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án*"; "*Chủ đầu tư có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt*".

[30] Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 12/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật "*Các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất), phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng; trừ trường hợp người quyết định đầu tư thấy cần thiết và yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình*".

định tại khoản 2 Điều 6 Luật Đấu thầu[28]; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP[29] (thiếu quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch đấu thầu).

Thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác cơ sở vật chất và Trưởng phòng QTTB.

4. Việc trang thiết bị ở một số khoa và phòng ban

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

- Hàng năm, Trường đều có thông báo tới các khoa, phòng, ban về nhu cầu mua sắm, sửa chữa cho các đơn vị trong toàn trường, sau đó lên kế hoạch mua sắm, sửa chữa. Tại mỗi giai đoạn cụ thể, căn cứ vào kế hoạch và khả năng tài chính, Trường thực hiện sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị nội thất.

- Tại nhà A, nhà B, khu vực làm việc của các phòng, ban và văn phòng khoa đã được bố trí lại và nâng cấp cơ sở vật chất. Đến nay, tất cả các phòng ban và văn phòng khoa đã có trang thiết bị đầy đủ[31].

- Tại tầng hầm nhà A có khoảng 40 bộ bàn, ghế và một số tủ đựng hồ sơ đều có chất liệu là gỗ ép và phần lớn đã hỏng (long ốc, bung chân đế...). Một số vẫn tận dụng để sử dụng được.

- Công tác triển khai thực hiện: Các hạng mục có giá trị dự toán nhỏ, Trường phê duyệt dự toán công việc, danh mục trang thiết bị và tiến hành chỉ định đơn vị thực hiện việc cung cấp trang thiết bị.

b) Kết luận

- Việc cải tạo, cung cấp trang thiết bị, nội thất phòng làm việc của các phòng, ban, khoa trong Trường đã được thực hiện thường xuyên; căn cứ vào yêu cầu của các đơn vị và khả năng tài chính ở từng thời điểm là phù hợp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các phòng làm việc của Trường đã đáp ứng tốt những yêu cầu sử dụng khác nhau, các công trình phục vụ chung như: hành lang, các nhà vệ sinh đều đảm bảo sạch sẽ, vệ sinh, hầu hết các thiết bị đang được sử dụng tốt.

- Việc trang bị nội thất, thiết bị và nâng cấp một số phòng tại nhà A đều xuất phát từ nhu cầu sử dụng thực tế và phù hợp với công năng sử dụng (các phòng phục vụ cho công tác đối ngoại của Trường và phòng hội thảo).

- Việc trang bị thiết bị tại các khoa và phòng ban còn có các thiếu sót sau:

+ Tại các hạng mục đầu tư trang thiết bị có giá trị dự toán nhỏ, Trường chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Đấu thầu[28]; khoản 1 Điều 9, và khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP[29].

+ Chưa tận dụng một số tủ, bàn, ghế để tại hầm nhà A dù vẫn còn sử dụng được.

Những thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác cơ sở vật chất và Trưởng phòng QTTB.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO

[31] Các trang thiết bị gồm: thiết bị ánh sáng, máy tính, điều hòa, bàn làm việc, tủ đựng đồ của từng giảng viên đến việc trang bị khu sinh hoạt chung của từng đơn vị.

1. Việc chuyển đổi môn thi đầu vào chuyên ngành Quản trị kinh doanh

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Từ tháng 8/2010, Trường áp dụng môn thi tuyển sinh Kinh tế học đối với chuyên ngành tuyển sinh SĐH (theo Quyết định số 1086/QĐ-ĐHNT-SĐH[32]). Ngày 18/11/2011, trên cơ sở đề nghị của khoa chuyên môn, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) của Trường đã họp và biểu quyết thông qua (100% ý kiến đồng ý) việc chuyển đổi môn thi tuyển sinh cao học ngành QTKD từ môn Kinh tế học sang môn Quản trị học.

Ngày 01/2/2012, Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 142/ĐHNT-SĐH (viết tắt là Quyết định số 142) về việc phê duyệt đề cương thi tuyển sinh cao học, trong đó có quy định môn Quản trị học thay thế cho môn Kinh tế học đối với ngành QTKD. Việc thay thế này được áp dụng từ kỳ thi tuyển sinh SĐH đợt 2 năm 2012. Tại phần "Nơi nhận" của Quyết định số 142 có nội dung " Bộ GD&ĐT để báo cáo".

b) Kết luận

Việc Trường quyết định đổi môn thi đầu vào ngành QTKD đã được Hội đồng KHĐT thông qua song không có văn bản đề nghị Bộ GD&ĐT xem xét và cho ý kiến trước khi Hiệu trưởng ban hành Quyết định 142 là trái với qui định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT[33].

Sai phạm trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách SĐH và Trưởng Khoa SĐH.

2. Về việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn

2.1. Việc tổ chức lớp ôn thi SĐH của khoa SĐH và khoa Kinh tế Quốc tế

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2013, Khoa SĐH và Khoa Kinh tế quốc tế của Trường cùng mở lớp ôn thi sau ĐH. Căn cứ để Khoa SĐH tổ chức lớp ôn thi là Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường[34]. Khoa Kinh tế Quốc tế mở lớp căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ (theo Báo cáo số 66/BC-ĐHNT ngày 18/3/2013 của Trường).

Các lớp ôn thi thường được tổ chức trước từ 4 – 5 tháng mỗi kỳ tuyển sinh SĐH. Các khoa thông báo chiêu sinh, tổ chức lớp (thuê địa điểm, mời giảng viên), quản lý tài chính và thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính cho Trường theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ. Khoa SĐH thực hiện đóng góp từ 5 – 10% tổng số tiền học phí thu được (tùy theo hình thức tổ chức lớp trong hoặc ngoài Trường), Khoa KTQT không thực hiện đóng góp với lý do thu không đủ bù chi.

---

[32] Quyết định số 1086/QĐ-ĐHNT-SĐH ngày 23/11/2009 của Trường ĐH Ngoại thương quy định về việc thay thế môn thi tuyển sinh Kinh tế chính trị bằng môn Kinh tế học đối với các chuyên ngành tuyển sinh SĐH (áp dụng từ tháng 8/2010).

[33] Điểm b, khoản 2, Điều 8 của Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT. ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định: "*Môn cơ bản, môn cơ sở của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo do cơ sở đào tạo đề nghị trong hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ hoặc hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sỹ ngành hoặc chuyên ngành đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc cho phép đào tạo*".

[34] Điểm e, Khoản 2 Điều 33 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định Khoa SĐH có nhiệm vụ "*Mở các lớp chuyển đổi bằng và bổ túc kiến thức để tạo ra nguồn tuyển sinh*".

Ngày 29/5/2012, Hội đồng KH&ĐT của Trường đã họp thống nhất giao cho khoa SĐH tổ chức lớp ôn thi SĐH, Phòng KH - TC thu học phí. Khoa SĐH và Khoa KTQT đã thực hiện theo Kết luận của Hội đồng KH&ĐT của Trường.

b) Kết luận

- Việc mở lớp ôn thi SĐH của khoa SĐH là phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; việc mở lớp của Khoa KTQT không được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động mà do Hiệu trưởng quyết định.

- Khoa KTQT tổ chức lớp nhưng không thực hiện việc đóng góp nghĩa vụ tài chính cho Trường theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ[35].

Thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Trưởng Khoa KTQT, Trưởng Phòng KH-TC.

2.2. Về lớp tổng ôn tháng 8/2012 của Khoa SĐH

a) Kết quả kiểm tra xác minh

Theo báo cáo của Khoa SĐH thì Khoa có tổ chức các buổi tổng ôn tập nhưng không thu tiền. Tuy nhiên, ngày 16/4/2013, Đoàn Thanh tra nhận được phản ánh liên quan đến việc khoa SĐH có đăng thông báo tổ chức lớp tổng ôn tập (kỳ thi tuyển sinh đợt 2 năm 2012) có thu học phí và 01 email thông báo lịch khai giảng và lịch học lớp tổng ôn tập của địa chỉ: lephuongha@ftu.edu.vn[36].

Tại thời điểm kiểm tra ngày 17/4/2013, trên website của Khoa SĐH vẫn còn lưu bản tin Thông báo Tổ chức Tổng ôn tập (Kỳ thi Tuyển sinh đợt 2 năm 2012)[37] trong đó có các thông tin về thời gian khai giảng (ngày 04/8/2012), địa điểm tổ chức (Học viện Hành chính), học phí (100.000đ/buổi, giảm 50% học phí đối với học viên đang học lớp ôn thi của Khoa SĐH). Ngày 11/8/2012, lớp tổng ôn tập được tổ chức tại Học viện Hành chính, 77 Nguyễn Chí Thanh.

Về việc này, Khoa SĐH giải trình như sau: Ngày 28/5/2012, Khoa SĐH đăng thông báo để tổ chức tổng ôn tập trên web của Khoa cho kỳ thi tuyển sinh tháng 8/2012. Tuy nhiên, đến ngày 29/5/2012, Thường trực Hội đồng KH&ĐT đã họp và thống nhất chuyển các lớp ôn thi cao học về Trường quản lý. Do vậy đến ngày 30/5/2012, Khoa đã gỡ bỏ thông báo trên trang web và không tổ chức lớp tổng ôn nữa. Bà Lê Phương Hà, chuyên viên khoa SĐH xác nhận: lớp tổng ôn tập do cá nhân bà cùng một số người trong Khoa SĐH đứng ra tổ chức không liên quan gì đến Khoa SĐH. Hiệu trưởng có ý kiến là Khoa SĐH không xin phép, Hiệu trưởng cũng không phê duyệt cho Khoa tổ chức và không biết có lớp này.

b) Kết luận

Lớp tổng ôn tập được tổ chức trên cơ sở thông báo trên trang web của Khoa SĐH, do cán bộ của Khoa đứng ra tổ chức với nhiều thông tin mang danh nghĩa

---

[35] Mục C Quy chế chi tiêu nội bộ quy định nghĩa vụ đóng góp tài chính " *Các lớp bồi dưỡng ngắn hạn tỷ lệ đóng góp 5% trên tổng thu*".

[36] Thông báo được đăng ngày Thứ 2 (28/5/2012; 10:44). Subject: Thông báo khai giảng lớp tổng ôn ngày 11/8/2012, gửi ngày 10/8/2012 (4:43:56 AM), có đính kèm file "Lịch học tổng ôn" gửi các thí sinh dự thi cao học đợt 2 năm 2012.

[37] Nội dung thông báo: "*Trường Đại học Ngoại thương tổ chức tổng ôn tập các môn thi tuyển sinh: Toán Kinh tế (3 buổi phần XSTK, 3 buổi phần Toán cơ sở), Kinh tế học (3 buổi phần Kinh tế vĩ mô, 3 buổi phần Kinh tế vi mô), Quản trị học (5 buổi), Tiếng Anh (3 buổi)*".

Trường. Khi tiếp nhận được thông tin phản ánh, Hiệu trưởng đã không chỉ đạo thanh tra, kiểm tra để làm rõ sự việc thể hiện sự buông lỏng quản lý, tiềm ẩn khả năng phát sinh tiêu cực, gây bức xúc trong dư luận.

Thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách SĐH, Trưởng khoa SĐH, bà Lê Phương Hà và các cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lớp tổng ôn tập tháng 8/2012.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC

1. Việc thực hiện dân chủ trong nhà trường

1.1 Kết quả kiểm tra, xác minh

a) Khái quát chung

Để thực hiện việc tự chủ và triển khai thực hiện quy chế dân chủ, Trường đã ban hành nhiều văn bản quản lý trên các lĩnh vực hoạt động. Tháng 10/2010, Trường đã tập hợp, phát hành cuốn sách "Các văn bản quản lý tại Trường Đại học ngoại thương" bao gồm 17 văn bản quy phạm pháp luật và 23 văn bản quy phạm nội bộ. Trong các văn bản nội bộ có các văn bản quan trọng như: Quyết định số 1461/QĐ-ĐHNT-TCHC ngày 26/12/2011 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Quyết định số 1059/TCCB ngày 19/11/2004 về Quy chế dân chủ trong hoạt động của Nhà trường. Quyết định số 1059/TCCB nêu rõ: Mục đích việc thực hiện dân chủ trong nhà Trường nhằm "phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của Hiệu trưởng, nhà giáo, đội ngũ cán bộ trong Nhà trường theo luật định, góp phần xây dựng nền nếp, trật tự kỷ cương trong hoạt động của Nhà trường, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật Nhà nước. Nhà trường đã căn cứ các quy định để tổ chức công việc, thực hiện dân chủ trong Trường".

Hàng năm, Hiệu trưởng và Trưởng các đơn vị phối hợp với tổ chức công đoàn các cấp tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức để quyết nghị các chủ trương, nhiệm vụ của nhà trường, thảo luận rà soát thông qua các quy chế, quy định trong hoạt động của nhà trường để thống nhất thực hiện dân chủ. Các nội dung sửa đổi, bổ sung được đưa ra thảo luận, thống nhất ý kiến tại Hội nghị cán bộ, viên chức.

Hàng tháng, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Trưởng đơn vị tổ chức giao ban để báo cáo đánh giá việc thực hiện công việc của tháng, tổng hợp ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức, sinh viên để định hướng các công việc phải giải quyết trong tháng tới.

b) Việc họp của Ban Giám hiệu

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường có quy định tại Điều 4 về mối quan hệ giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Theo đó, Hiệu trưởng phụ trách chung và phụ trách trực tiếp một số công việc, các Hiệu phó được phân công phụ trách một số mảng công việc và có trách nhiệm chủ động báo cáo Hiệu trưởng về các vấn đề liên quan. Quy chế không quy định đầy đủ cơ chế phối hợp hoạt động cụ thể (ví dụ chế độ họp Ban Giám hiệu như thế nào). Theo phản ánh và kiểm tra thực tế cho thấy: từ tháng 6/2010 đến tháng 5/2013, BGH họp toàn thể 06 lần (ngày 15/6/2010, ngày 15/6/2011; ngày 11/6/2012; 03 cuộc họp không ghi thời gian họp)

Theo giải trình của Hiệu trưởng: Lý do ít họp toàn thể BGH là do Trường đã có Quyết định 315/QĐ-ĐHNT-TCHC ngày 06/5/2010 về việc phân công công tác của Hiệu

trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công, Phó Hiệu trưởng triển khai thực hiện và việc phản ánh hoặc góp ý kiến được thể hiện công khai, dân chủ tại các cuộc họp giao ban hàng tháng. Theo Lịch họp lưu tại Trường, trong ba năm (từ 2010 đến 2012), Hiệu trưởng đã tổ chức 95 cuộc họp có sự tham gia của ít nhất hai thành viên BGH trở lên để giải quyết các vấn đề cụ thể, cần thiết.

c) Về công tác tuyển dụng viên chức

Trường đã ban hành Quyết định số 583/QĐ-ĐHNT-TCCB ngày 01/7/2009 quy định về tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc tại Trường. Quy trình tuyển dụng của Trường gồm 11 bước[38]. Căn cứ vào quy định này, Trường đã tiến hành tuyển dụng viên chức. Thành phần Hội đồng tuyển dụng của Trường gồm Hiệu trưởng, Trưởng phòng TC-HC, Chủ tịch Công đoàn trường và một số trưởng các đơn vị có vị trí được tuyển dụng. Tuy nhiên, khi họp tổng hợp kết quả trúng tuyển, Hội đồng tuyển dụng chỉ họp thành phần "cứng" gồm Hiệu trưởng, Trưởng phòng TC-HC, Chủ tịch Công đoàn trường, đại diện các đơn vị không được tham dự họp xét kết quả trúng tuyển.

Từ năm 2005 đến năm 2012 Trường đã tuyển dụng mới 493 người. Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra theo các nội dung phản ánh như sau:

- Vị trí trợ lý bộ môn nghiệp vụ, văn thư ở cơ sở 2: theo phản ánh Trường tuyển dụng không đúng quy định nhưng không cung cấp chứng cứ cụ thể nên không có cơ sở để kiểm tra, xác minh;

- Vị trí lái xe: ngày 29/9/2011 Trường có 02 thông báo tuyển dụng (01 thông báo không tuyển vị trí lái xe và 01 thông báo có tuyển vị trí lái xe). Phòng TC-HC đã nhận thiếu sót do sơ suất đã ra thông báo tuyển dụng bổ sung 01 chỉ tiêu lái xe nhưng không thu hồi lại thông báo trước. Về tiêu chuẩn: Ông Dương Minh Ngọc đủ điều kiện để được tuyển dụng như thông báo tuyển dụng của Trường;

- Vị trí giảng viên: tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên của Trường là có bằng thạc sỹ và cử nhân hệ chính quy đúng chuyên ngành loại khá trở lên. Qua kiểm tra hồ sơ, giảng viên Hoàng Thị Thùy Dương, Hoàng Hải Yến (Khoa QTKD) đủ tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng và giảng viên Nguyễn Thị Yến (Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế) tại thời điểm tuyển dụng chưa có bằng thạc sỹ là không đúng tiêu chuẩn theo Thông báo tuyển dụng (Trường giải thích là trường hợp ngành nghề đặc thù, hiện giảng viên sắp tốt nghiệp cao học).

d) Công tác bổ nhiệm cán bộ

Từ năm 2010 đến nay, Trường đã bổ nhiệm 62 trường hợp trưởng, phó các đơn vị. Trong đó, bổ nhiệm lần đầu 8 trưởng đơn vị, 14 phó trưởng đơn vị, 15 phó các ban tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm thanh tra, Trường chưa ban hành Quy chế bổ nhiệm cán bộ. Việc bổ nhiệm cán bộ của Trường được thực hiện theo Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định việc bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo. Cụ thể, Trường đã tiến hành quy trình bổ nhiệm như sau:

---

[38] 1. Lập kế hoạch tuyển dụng; 2. Thông báo và nhận nhu cầu tuyển dụng từ các đơn vị; 3. Thành lập Hội đồng tuyển dụng; 4. Họp xét chỉ tiêu tuyển dụng; 5. Thông báo và nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển; 6. Nhập dữ liệu, sơ tuyển hồ sơ; 7. Thi tuyển vòng 1; 8. Phỏng vấn; 9. Tổng hợp điểm phỏng vấn, căn cứ theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp và trao đổi tại Hội đồng khi cần thiết. Đối với những trường hợp cụ thể cần thảo luận, Hội đồng tổ chức họp lại có các thành viên là Trưởng đơn vị tham gia; 10. Thông báo kết quả; 11. Ra quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng thử việc.

- Việc bổ nhiệm trưởng các đơn vị: Trường tổ chức lấy phiếu tín nhiệm cấp trưởng giới thiệu tại đơn vị và hội nghị cán bộ chủ chốt trong toàn trường. Sau đó lấy thư giới thiệu cấp trưởng và thông qua Đảng ủy để xin ý kiến. Sau khi có ý kiến thống nhất của Đảng ủy, Phòng TC - HC hoàn thiện các thủ tục trình Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

- Việc bổ nhiệm phó các đơn vị: Trên cơ sở lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị, Trưởng đơn vị đề xuất gửi phòng TC-HC để xem xét trình Hiệu trưởng quyết định. Trong số 14 phó đơn vị được bổ nhiệm, có 07 phó đơn vị được bổ nhiệm từ nguồn tại chỗ đều có đề nghị của đơn vị thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm. Riêng 02 phó đơn vị mới thành lập là Khoa Luật và Phòng Thanh tra: việc bổ nhiệm Phó Khoa Luật có lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị; Phó Phòng Thanh tra do đơn vị mới thành lập nên không tổ chức lấy phiếu tín nhiệm mà theo đề nghị của Trưởng phòng TC-HC, Hiệu trưởng ký ban hành quyết định bổ nhiệm, không thông qua Đảng ủy và Ban Giám hiệu.

1.2. Nhận xét, kết luận

- Để thực hiện quyền tự chủ và Quy chế dân chủ, Trường đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, thống nhất các hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 về việc hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục - đào tạo (Thông tư liên tịch số 07). Định kỳ, Trường có tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, các cuộc họp giao ban giữa Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Trưởng các đơn vị.

- Việc thực hiện dân chủ trong Trường còn một số thiếu sót, sai phạm sau đây:

+ Trong các văn bản của Trường không có quy định về việc họp BGH nhưng BGH là một tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường đại học, hơn nữa, theo quy định về một số hoạt động của trường thì tập thể lãnh đạo phải có ý kiến. Vì vậy, từ tháng 6/2010 đến 2013 (3 năm) BGH chỉ họp toàn thể 06 lần là ít, có ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò tập thể của BGH.

+ Chưa thực hiện đúng quy định về việc họp xét chỉ tiêu tuyển dụng và tổng hợp kết quả trúng tuyển. Thành viên Hội đồng tuyển dụng là Trưởng các đơn vị không được tham dự họp xét kết quả trúng tuyển. Trường có thiếu sót trong việc ra Thông báo tuyển dụng ngày 29/9/2011 và chưa thực hiện tuyển dụng đúng tiêu chuẩn theo Thông báo tuyển dụng đối với giảng viên Nguyễn Thị Yến.

+ Việc bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị không họp bàn trong Ban Giám hiệu là vi phạm quy định tại Điều 4, Điều 7 Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg[39]; Việc bổ nhiệm cấp phó đơn vị không thông qua và xin ý kiến của cấp ủy là vi phạm Điều 8 Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV và Điều 3 Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg[40].

Thiếu sót, sai phạm trên thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng, Trưởng phòng TC-HC.

---

[39] Khoản 1 Điều 4 Quyết định 27/2003/QĐ-TTg quy định *"Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề xuất và nhận xét, đánh giá đối với cán bộ, công chức được đề xuất; họp bàn trong tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị".*

[40] Khoản 1, Điều 3 Quyết định 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo *"Các cấp ủy đảng từ cơ sở trở lên trực tiếp lãnh đạo công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm hoặc từ chức đối với cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý của Trung ương và đúng quy trình, thủ tục".*

2. Về việc đi công tác nước ngoài của Hiệu trưởng

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Kết quả kiểm tra thấy từ tháng 3/2010 đến 29/10/2012, Hiệu trưởng đi công tác nước ngoài 22 chuyến. Chuyến đi ngắn ngày nhất: Tham dự diễn đàn hợp tác Giáo dục và phát triển bền vững tại Hàn Quốc từ ngày 01-03/12/2011, kinh phí đối tác tài trợ. Chuyến đi dài ngày nhất: Tham dự khóa học Quản lý chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại Hoa Kỳ từ 18/6/2010 đến 28/7/2010, kinh phí dự án Ftutrip. Các chuyến đi đều có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền, kinh phí hầu hết do đối tác tài trợ, không vi phạm quy định tại Quyết định số 706/QĐ-TCHC ngày 27/8/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương về đi nước ngoài đối với cán bộ, giáo viên.

b) Kết luận

Hiện tại không có quy định về số lần đi công tác nước ngoài trong năm; các chuyến đi công tác của Hiệu trưởng đều có quyết định cho phép của cơ quan có thẩm quyền và kinh phí hầu hết do đối tác tài trợ. Tuy nhiên, việc đi nước ngoài nhiều có thể ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, cần cân nhắc kỹ.

3. Về việc bỏ phiếu lại lần 2 đối với ứng viên Đào Thị Thu Giang

a) Kết quả kiểm tra, xác minh

Ngày 16/9/2012, HĐCDGSCS Trường đã bỏ phiếu (lần 1) đối với 04 ứng viên trong đó ứng viên Đào Thị Thu Giang đạt 5/9 phiếu đồng ý. Chủ tịch HĐCDGSCS của Trường đã đề nghị các thành viên biểu quyết để bỏ phiếu lại. Kết quả 7/9 người biểu quyết đồng ý bỏ phiếu lại và HĐCDGSCS của Trường đã tiến hành bỏ phiếu lần 2. Kết quả lần 2 đối với cả 04 ứng viên vẫn như lần 1. Ngày 07/5/2013, HĐCDGSNN có công văn số 58/HĐCDGSNN trả lời về việc HĐCDGSCS của Trường bỏ phiếu lại lần 2 như sau: "Việc tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm tại các HĐCDGSCS, HĐCDGS ngành, liên ngành và HĐCDGSNN đều chỉ được tiến hành một lần".

Về việc bỏ phiếu lần hai này có ý kiến khác nhau:

- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Văn Hồng phản ánh: Khi bỏ phiếu kín, ứng viên Đào Thị Thu Giang đạt 5/9 phiếu, Chủ tịch HĐCDGSCS có ý kiến "Những ai không bỏ phiếu cho ứng viên Đào Thị Thu Giang đứng dậy giải thích lý do tại sao lại không bỏ phiếu".

- Biên bản họp HĐCDGSCS của Trường ngày 16/9/2012, Chủ tịch HĐCDGSCS có ý kiến: "Đề nghị các thành viên Hội đồng phát biểu thảo luận, rút kinh nghiệm. Tôi thấy kết quả là không bình thường, chưa xảy ra trong Hội đồng của Trường ta".

- Các thành viên HĐCDGSCS của Trường gồm: ông Vũ Chí Lộc - ủy viên, ông Tăng Văn Nghĩa - ủy viên, ông Nguyễn Văn Cảnh - tổ trưởng tổ thư ký đều khẳng định ông Hoàng Văn Châu không phát biểu: "Những ai không bỏ phiếu cho ứng viên Đào Thị Thu Giang đứng dậy giải thích lý do tại sao lại không bỏ phiếu".

b) Nhận xét, kết luận

HĐCSGSCS Trường bỏ phiếu lại lần 2 đối với cả 04 ứng viên là việc làm không được quy định tại Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg[41]. Có nhiều ý kiến khác nhau về việc Chủ tịch HĐCDGSCS của Trường phát biểu "Những ai không bỏ phiếu cho ứng viên Đào Thị Thu Giang đứng dậy giải thích lý sao tại sao không bỏ phiếu". Tuy nhiên, đây chỉ là những ý kiến phản ánh, không có bằng chứng cụ thể nên Đoàn Thanh tra không có đủ cơ sở để kết luận vấn đề này.

Thiếu sót trên thuộc trách nhiệm của Chủ tịch HĐCDGSCS và HĐCDGSCS của Trường.

C. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN CHUNG

Trường Đại học Ngoại thương là cơ sở giáo dục đại học có uy tín, có truyền thống đào tạo, nghiên cứu khoa học các chuyên ngành về kinh tế, đặc biệt là kinh tế đối ngoại; có quan hệ hợp tác hiệu quả với nhiều trường đại học trên thế giới, sản phẩm đào tạo của Trường được xã hội đánh giá cao. Trường đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đã được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2010) và Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2012).

Từ năm 2008, Trường được giao tự chủ về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Trường đã chú trọng đổi mới quản lý theo tinh thần tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ; đã ban hành được hệ thống văn bản khá đồng bộ, phục vụ cho công tác quản lý của Trường. Trong những năm gần đây, do chất lượng đào tạo luôn được khẳng định, nguồn tuyển sinh dồi dào, nguồn thu từ đào tạo tăng, đời sống cán bộ, giảng viên từng bước được cải thiện. Trường cũng đã dành ra nguồn kinh phí lớn để đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục công trình, bổ sung trang thiết bị đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Qua thanh tra một số nội dung thuộc bốn nhóm vấn đề: Tài chính; Tuyển sinh, đào tạo; Cơ sở vật chất; Tổ chức cán bộ cho thấy một số phản ánh không đủ chứng cứ để kết luận, đồng thời cũng cho thấy Trường còn một số thiếu sót, sai phạm sau đây:

1. Một số nội dung về công tác tài chính

- Việc công khai công tác thu chi tài chính chưa thực hiện đầy đủ các hình thức, nội dung, biểu mẫu theo quy định của Thông tư số 21/2005/TT-BTC.

- Về CTTT: Việc phê duyệt chế độ áp dụng đối với giảng viên Bùi Thị Lý, Phạm Thanh Hà và Phan Thị Thu Hiền không được thông báo cụ thể từ đầu gây nhận thức khác nhau và dư luận không tốt. Thông tư số 220 có hiệu lực từ tháng 1/2010 nhưng đến tháng 6/2010 Trường mới ban hành Quyết định số 1272 quy định mức sinh hoạt phí cho mỗi cán bộ, giảng viên.

- Về Dự án Mutrap: Trường chưa nghiên cứu kỹ các điều khoản thoả thuận về vốn đối ứng trước khi ký với đối tác dẫn đến vốn đối ứng của Trường phải bỏ ra nhiều. Việc phê duyệt chủ trương thu tiền chậm. Việc thu tiền đóng góp lần đầu của các thành viên chưa thực hiện đầy đủ theo quy định của Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

---

[41] Điểm 7 Điều 8 Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định "*đạt hai phần ba số phiếu tín nhiệm trở lên của tổng số thành viên Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở*"

- Việc chi tiền quản lý cho Ban QLDA MutrapIII: Quy chế chi tiêu nội bộ chưa có quy định chi tiết đối với các cán bộ tham gia thực hiện Dự án; Quyết định 1209/QĐ-ĐHNT-QLDA về việc chi phụ cấp thực hiện Dự án không quy định rõ nguồn chi.

- Việc để các khoa tự quản lý tài chính đối với các lớp ôn luyện thi SĐH là không đúng với Quy chế chi tiêu nội bộ dẫn đến việc quản lý tài chính các lớp ôn thi có sai sót như: không thực hiện chế độ báo tài chính, không cấp biên lai thu học phí, không thực hiện việc đóng góp theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ. Trường không thực hiện chế độ kiểm tra công tác tài chính hàng năm đối với các khoa theo quy định, không tổng hợp báo cáo tài chính của lớp ôn thi vào báo cáo tài chính chung của Trường theo quy định của Chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp và Quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Một số nội dung về công tác cơ sở vật chất

- Tại khu nhà B còn 05 phòng học ở tầng 4 đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa được cải tạo sửa chữa để đồng bộ với các hạng mục khác. Các hạng mục sửa chữa, cải tạo phòng B310, Trường chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Luật Đấu thầu; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.

- Việc xây dựng và sửa chữa phòng học CTTT: Tại các hạng mục đầu tư trang thiết bị có giá trị dự toán nhỏ, Trường chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Luật Đấu thầu; Nghị định 85/2009/NĐ-CP.

- Việc trang thiết bị ở một số khoa và phòng ban: Chưa tận dụng một số tủ, bàn ghế để tại hầm nhà A dù vẫn còn sử dụng được.

3. Một số nội dung về công tác tuyển sinh, đào tạo

- Việc thay đổi môn thi đầu vào ngành QTKD, Trường không có văn bản đề nghị Bộ GD&ĐT xem xét và cho ý kiến trước khi Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định là không đúng với qui định của Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT.

- Chưa có quy định về việc mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn (trong đó có các lớp ôn thi SĐH) và quy định về công tác quản lý tổ chức và hoạt động các lớp này dẫn đến việc thiếu thống nhất trong công tác tổ chức và thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Có sự buông lỏng quản lý trong việc kiểm tra, giám sát các lớp ôn thi SĐH dẫn đến việc cá nhân của Khoa SĐH lợi dụng tổ chức lớp ôn thi.

4. Một số nội dung về công tác tổ chức, cán bộ

- Từ tháng 6/2010 đến năm 2013, BGH chỉ tổ chức 06 cuộc họp toàn thể là ít, có ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò tập thể của BGH.

- Chưa thực hiện đúng quy định về việc họp xét chỉ tiêu tuyển dụng và tổng hợp kết quả trúng tuyển. Có thiếu sót trong việc ra Thông báo tuyển dụng ngày 29/9/2011 và chưa thực hiện tuyển dụng đúng tiêu chuẩn theo Thông báo tuyển dụng đối với giảng viên Nguyễn Thị Yến (Khoa KT&KDQT).

- Chưa xây dựng được quy trình về việc bổ nhiệm cán bộ của Trường. Việc bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị không đưa ra bàn bạc trong Ban Giám hiệu là vi phạm quy định Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg; Việc bổ nhiệm cấp phó đơn vị không thông qua

và xin ý kiến của cấp ủy là vi phạm Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDDT-BNV và Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg.

- Ngày 16/4/2012, HĐCDGSCS Trường tổ chức bỏ phiếu lần 2 là việc làm không được quy định tại Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg.

D. NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM

1. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của Trường về tự chủ và tự chịu trách nhiệm cũng như một số quy định của pháp luật chưa đầy đủ dẫn đến việc thực hiện chưa đúng, một số hoạt động của Trường có những thiếu sót, sai phạm như đã nêu ở trên.

- Có biểu hiện thiếu dân chủ trong một số hoạt động.

- Công tác tự kiểm tra chưa được chú trọng.

- BGH không thể hiện rõ vai trò, có biểu hiện mất đoàn kết, nhất là thời gian từ năm 2012 đến nay.

b) Nguyên nhân khách quan

- Một số văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Nhà nước, của Bộ[42] còn thiếu đồng bộ.

- Tình hình kinh tế quốc tế và trong nước những năm gần đây có nhiều biến động, khó khăn.

- Trách nhiệm đôn đốc của cơ quan quản lý nhà nước đối với người đứng đầu các đơn vị trực thuộc về việc xây dựng phương án thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và tổ chức nhân sự còn hạn chế.

2. Trách nhiệm

- Hiệu trưởng với tư cách là người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm chung về những thiếu sót, sai phạm ở 4 nhóm nội dung nêu trên và chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác tổ chức cán bộ.

- Các Phó Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm về những thiếu sót, sai phạm trong phạm vi trách nhiệm được Hiệu trưởng phân công.

- Các đơn vị tham mưu gồm: Phòng KH - TC, Phòng TC - HC, Phòng QTTB, Khoa SĐH, Khoa Kinh tế quốc tế, Ban quản lý CTTT, Ban QLDA Mutrap và các đơn vị, cá nhân có có chức năng tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm trong việc để xảy ra các thiếu sót, sai phạm được kết luận như trên.

E. KIẾN NGHỊ

I. Các biện pháp xử lý đối với Trường

1. Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại thương chỉ đạo rà soát các văn bản nội bộ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Trường.

---

[42] Ngày 15/10/2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1505/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đào tạo theo CTTT. Ngày 20/11/2009, liên Bộ Tài chính – Bộ GD&ĐT mới ban hành Thông tư số 220 hướng dẫn quản lý tài chính đối với kinh phí thực hiện CTTT (có hiệu lực từ tháng 1/2010).

2. Tạm dừng việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo cho đến khi Trường ban hành được văn bản quy định quy trình việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức miễn nhiệm viên chức lãnh đạo.

Tiến hành rà soát lại số cán bộ cấp phó đơn vị đã bổ nhiệm thiếu quy trình để làm thủ tục xin ý kiến Đảng ủy. Trường hợp Đảng ủy không thông qua thì đề xuất phương án thay thế.

3. Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính của Trường, các nguồn thu, chi phải tập trung và thống nhất quản lý tài chính qua phòng KH - TC; việc lập, xuất, lưu giữ chứng từ của toàn bộ các khoản thu chi phải thực hiện theo đúng trình tự và được kiểm soát đúng quy định; thực hiện đầy đủ các hình thức, nội dung, biểu mẫu công khai số liệu dự toán, quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Thông tư số 21/2005/TT-BTC.

4. Chấn chỉnh quy trình quản lý, thực hiện của Trường về cải tạo, sửa chữa các hạng mục, đầu tư trang thiết bị có giá trị dự toán nhỏ (công tác phê duyệt dự án, kế hoạch đấu thầu) để đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Có kế hoạch khắc phục, sửa chữa các phòng đã xuống cấp và hỏng hóc nhiều tại nhà B để đảm bảo cho công tác giảng dạy và học tập. Tận dụng một số bàn ghế, tủ còn sử dụng được phục vụ cho các hoạt động của Trường.

5. Rà soát lại các đơn vị trực thuộc đang mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; kiểm tra công tác quản lý tài chính đối với các lớp này để chấn chỉnh, xử lý bảo đảm đúng quy định.

6. Kiện toàn tổ chức và hoạt động tự thanh tra tra theo Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 quy định về tổ chức và có hoạt động thanh tra của cơ sở giáo dục đại học, trường trung cấp chuyên nghiệp; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động trong đó quan tâm giám sát việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của Trường.

7. Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương tự kiểm điểm và chỉ đạo các phó hiệu trưởng, các đơn vị, cá nhân có liên quan không hoàn thành trách nhiệm tham mưu, giúp việc kiểm điểm; xem xét xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý kỷ luật đối với các cá nhân đã để ra thiếu sót, sai phạm như đã kết luận trên đây.

Việc rà soát, chấn chỉnh, kiểm điểm và xử lý những thiếu sót, sai phạm trên đây cần hoàn thành trước ngày 15/10/2013 và có báo cáo về Bộ GD&ĐT (qua Thanh tra).

II. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Đề nghị Vụ TCCB:

- Chủ trì tham mưu xem xét trách nhiệm, đề xuất việc xử lý đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có liên quan đến những thiếu sót, sai phạm trong quản lý nhà trường;

- Thẩm định văn bản quy định về quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đảm bảo đúng quy định;

- Tham mưu cho Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng Nhà trường theo quy định tại Quyết định số 5099/QĐ-BGDDT ngày 19/11/2012.

- Tham mưu tổ chức tổng kết, đánh giá về việc giao tự chủ cho các trường; Tham gia giám sát việc thực hiện Kết luận thanh tra.

2. Đề nghị Vụ KHTC thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo đầy đủ các quy định về CTTT, các dự án; Tham gia giám sát việc thực hiện Kết luận thanh tra.

3. Đề nghị Cục Cơ sở vật chất, Thiết bị dạy học và Đồ chơi trẻ em rà soát, xử lý văn bản số 7713/BGDĐT-KHTC ngày 22/8/2008 vì không còn phù hợp với quy định quản lý đầu tư; Tham gia giám sát việc thực hiện Kết luận thanh tra.

4. Đề nghị Vụ Giáo dục đại học phối hợp theo dõi, giám sát Trường thực hiện đúng quy định về giáo dục đại học.

5. Thanh tra Bộ chịu trách nhiệm chung về theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra của Trường và trách nhiệm được phân công thực hiện kết luận thanh tra của các đơn vị thuộc Bộ.

III. Đối với Ban cán sự Đảng các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội

Đề nghị Ban cán sự Đảng các trường Đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội phối hợp chỉ đạo Đảng bộ Trường lãnh đạo việc thực hiện nghiêm Kết luận thanh tra; việc xem xét trách nhiệm của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng liên quan; theo dõi, chỉ đạo, giúp đỡ Trường khắc phục các thiếu sót, sai phạm để tiếp tục ổn định, phát triển.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Huy Bằng

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (*để b/cáo*);
- TT Bùi Văn Ga (*để b/cáo*);
- Thanh tra Chính phủ (*để b/cáo);*
- Các Vụ: GDĐH, TCCB, KHTC;
Cục CSVC,TBDH&ĐCTE (*để ph/hợp*);
- Trường ĐH Ngoại thương (*để th/hiện*);
- Lưu TTr, ĐTT.